TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04/01/2021
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lam

2. Ông Nguyễn Hồng Diện

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2020/QĐST-DS, ngày 17/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị M, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh H (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1985; Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lò Thị M trình bày: Chị và anh Hoàng Văn S tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, tỉnh H vào ngày 20/9/2016 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn chị về nhà anh S tại Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh H để sinh sống. Quá trình chung sống, thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh S thường xuyên uống rượu dẫn đến hai anh chị xảy ra cãi vã, xô sát

nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được bạn bè, hai bên gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm gì đến nhau việc ai người đấy làm. Chị M nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh S.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị không có con chung nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu anh S có ý kiến bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của chị M và gửi văn bản cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo về cho Tòa án. Tòa án triệu tập bị đơn là anh Hoàng Văn S nhiều lần nhưng anh S cố tình trốn tránh không đến Tòa án, không đến UBND xã để lấy lời khai và hòa giải. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

Tại các biên bản xác minh ngày 19/11/2020 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với trưởng thôn V, xã V và đại diện UBND xã V nơi chị Lò Thị M và anh Hoàng Văn S sinh sống, phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị Lò Thị M và anh Hoàng Văn S tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, tỉnh H vào tháng 9/2016 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn chị M về nhà anh S tại Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh H để sinh sống. Quá trình chung sống, anh chị có một thời gian ngắn chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2018, mâu thuẫn vợ chồng anh chị phát sinh do bất đồng quan điểm sống, anh S thường xuyên uống rượu dẫn đến hai anh chị xảy ra cãi vã, xô sát nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được bạn bè, hai bên gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm gì đến nhau việc ai người đấy làm. Quá trình chung sống, anh chị không có con chung và không tạo lập được tài sản chung.

Tại phiên toà, chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn anh S, về con chung và tài sản chung chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội xử cho chị Lò Thị M được ly hôn anh Hoàng Văn S; về án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Lò Thị M có đơn khởi kiện "Ly hôn" với bị đơn là anh Hoàng Văn S, anh Hoàng Văn S có nơi cư trú tại thôn V, xã V, huyện B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn là anh Hoàng Văn S vẫn vắng mặt không có lý do và nguyên đơn là chị Lò Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Bắc Quang vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị M và anh Hoàng Văn S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã V, huyện B, tỉnh H nên hôn nhân giữa chị M và anh S là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian ngắn chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh S thường xuyên uống rượu dẫn đến hai anh chị xảy ra cãi vã, xô sát nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được bạn bè, hai bên gia đình, chính quyền địa phương hoà giải nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Vì vậy đến cuối năm 2018 anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh Hoàng Văn S không hợp tác để tham gia hòa giải. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lò Thị M được ly hôn anh Hoàng Văn S.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị M được ly hôn anh Hoàng Văn S.

2. Về án phí: Chị Lò Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai thu số: 0001199, ngày 02/10/2020.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Việt Hồng (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hồng